

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2013

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(đề thi có 02 trang)

Môn thi: HOÁ HỌC  
Thời gian làm bài: 60 phút

Mã đề thi 105

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối (theo u) của các nguyên tố là: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Cl = 35,5; Cu = 64; Al = 27; Zn = 65; Fe = 56; Cr = 52; Na = 23; K = 39; Ca = 40.

Câu 1: Cho 1,6 gam bột  $Fe_2O_3$  tác dụng với axit HCl (dư). Khối lượng muối trong dung dịch sau phản ứng là

- A. 2,12 gam.                      B. 1,62 gam.                      C. 3,25 gam.                      D. 4,24 gam.

Câu 2: Chất béo là trieste của axit béo với

- A. etanol.                      B. phenol.                      C. glixerol.                      D. etylen glicol.

Câu 3: Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu xanh là

- A.  $C_2H_5NH_2$ .                      B.  $C_2H_5OH$ .                      C. HCOOH.                      D.  $CH_3COOH$ .

Câu 4: Cho dãy các chất:  $CH_3OH$ ,  $CH_3COOH$ ,  $CH_3CHO$ ,  $CH_4$ . Số chất trong dãy tác dụng được với Na sinh ra  $H_2$  là

- A. 2.                      B. 3.                      C. 1.                      D. 4.

Câu 5: Chất có tính lưỡng tính là

- A.  $NaHCO_3$ .                      B. NaCl.                      C.  $KNO_3$ .                      D. NaOH.

Câu 6: Trong công nghiệp, người ta điều chế NaOH bằng phương pháp

- A. cho Na tác dụng với nước.  
B. điện phân NaCl nóng chảy.  
C. cho  $Na_2O$  tác dụng với nước.  
D. điện phân dung dịch NaCl bão hoà, có màng ngăn xốp ngăn 2 điện cực.

Câu 7: Để phân biệt dung dịch  $AlCl_3$  và dung dịch  $MgCl_2$ , người ta dùng lượng dư dung dịch

- A.  $KNO_3$ .                      B.  $K_2SO_4$ .                      C. KCl.                      D. KOH.

Câu 8: Nhôm không bị hoà tan trong dung dịch

- A.  $HNO_3$  đặc, nguội.                      B.  $HNO_3$  loãng.                      C.  $H_2SO_4$  loãng.                      D. HCl.

Câu 9: Cho 4,5 gam etylamin ( $C_2H_5NH_2$ ) tác dụng vừa đủ với axit HCl. Khối lượng muối ( $C_2H_5NH_3Cl$ ) thu được là

- A. 8,10 gam.                      B. 7,65 gam.                      C. 8,15 gam.                      D. 0,85 gam.

Câu 10: Ở nhiệt độ cao, CO có thể khử được

- A. MgO.                      B.  $K_2O$ .                      C.  $Fe_2O_3$ .                      D. CaO.

Câu 11: Hai kim loại đều phản ứng được với dung dịch  $Cu(NO_3)_2$  giải phóng kim loại Cu là

- A. Fe và Au.                      B. Fe và Ag.                      C. Al và Fe.                      D. Al và Ag.

Câu 12: Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với  $Cu(OH)_2$  ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là

- A. 1.                      B. 3.                      C. 4.                      D. 2.

Câu 13: Cho dãy các chất:  $CH_3COOCH_3$ ,  $C_2H_5OH$ ,  $H_2NCH_2COOH$ ,  $CH_3NH_2$ . Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. 2.                      B. 4.                      C. 3.                      D. 1.

Câu 14: Polime dùng để sản xuất cao su buna-S được điều chế bằng cách đồng trùng hợp buta-1,3-đien với

- A. axetilen.                      B. stiren.                      C. vinyl clorua.                      D. etilen.

Câu 15: Muốn điều chế được 78,0 gam crom bằng phương pháp nhiệt nhôm thì khối lượng nhôm cần dùng là

- A. 40,5 gam.                      B. 27,0 gam.                      C. 54,0 gam.                      D. 67,5 gam.

Câu 16: Hai kim loại Al và Cu đều phản ứng được với dung dịch

- A. NaOH loãng.                      B.  $H_2SO_4$  loãng.                      C.  $HNO_3$  loãng.                      D. NaCl loãng.

Câu 17: Cho 5,0 gam  $CaCO_3$  phản ứng hết với axit  $CH_3COOH$  (dư), thu được V lít khí  $CO_2$  (ở đktc). Giá trị của V là

- A. 2,24.                      B. 1,12.                      C. 3,36.                      D. 4,48.

Câu 18: Khi để lâu trong không khí ẩm một vật làm bằng sắt tây (sắt tráng thiếc) bị sây sứt sâu tới lớp sắt bên trong, sẽ xảy ra quá trình

- A. Fe và Sn đều bị ăn mòn điện hoá.                      B. Fe bị ăn mòn hoá học.  
C. Fe bị ăn mòn điện hoá.                      D. Sn bị ăn mòn điện hoá.

- Câu 19: Để phản ứng vừa đủ với 100 ml dung dịch  $\text{CuSO}_4$  1M cần m gam bột Zn. Giá trị của m là  
 A. 3,25.                      B. 3,90.                      C. 9,75.                      D. 6,50.
- Câu 20: Cho dung dịch  $\text{Ca(OH)}_2$  vào cốc đựng dung dịch  $\text{Ca(HCO}_3)_2$  thấy có  
 A. bọt khí và kết tủa trắng.                      B. bọt khí bay ra.  
 C. kết tủa trắng xuất hiện.                      D. kết tủa trắng sau đó kết tủa tan dần.
- Câu 21: Công thức chung của các oxit kim loại phân nhóm chính nhóm I là  
 A.  $\text{R}_2\text{O}$ .                      B.  $\text{RO}_2$ .                      C.  $\text{R}_2\text{O}_3$ .                      D.  $\text{RO}$ .
- Câu 22: Chất nào sau đây là este?  
 A.  $\text{CH}_3\text{OH}$ .                      B.  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ .                      C.  $\text{CH}_3\text{CHO}$ .                      D.  $\text{HCOOH}$ .
- Câu 23: Chất phản ứng được với axit HCl là  
 A.  $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$  (anilin).                      B.  $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$  (phenol).                      C.  $\text{CH}_3\text{COOH}$ .                      D.  $\text{HCOOH}$ .
- Câu 24: Chất X có công thức phân tử  $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ , là este của axit axetic ( $\text{CH}_3\text{COOH}$ ). Công thức cấu tạo thu gọn của X là  
 A.  $\text{HO-C}_2\text{H}_4\text{-CHO}$ .                      B.  $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ .                      C.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$ .                      D.  $\text{HCOOC}_2\text{H}_5$ .
- Câu 25: Ba chất lỏng:  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ ,  $\text{CH}_3\text{COOH}$ ,  $\text{CH}_3\text{NH}_2$  đựng trong ba lọ riêng biệt. Thuốc thử dùng để phân biệt ba chất trên là  
 A. quỳ tím.                      B. dung dịch  $\text{Br}_2$ .                      C. kim loại Na.                      D. dung dịch NaOH.
- Câu 26: Monome được dùng để điều chế polietilen là  
 A.  $\text{CH}\equiv\text{CH}$ .                      B.  $\text{CH}_2=\text{CH-CH}_3$ .                      C.  $\text{CH}_2=\text{CH-CH}=\text{CH}_2$ .                      D.  $\text{CH}_2=\text{CH}_2$ .
- Câu 27: Oxit nào dưới đây thuộc loại oxit bazơ?  
 A.  $\text{Cr}_2\text{O}_3$ .                      B.  $\text{CO}$ .                      C.  $\text{CuO}$ .                      D.  $\text{CrO}_3$ .
- Câu 28: Cho lòng trắng trứng vào  $\text{Cu(OH)}_2$  thấy xuất hiện màu  
 A. đỏ.                      B. tím.                      C. vàng                      D. đen.
- Câu 29: Cho m gam glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$  (đun nóng), thu được 21,6 gam Ag. Giá trị của m là  
 A. 36,0.                      B. 9,0.                      C. 16,2.                      D. 18,0.
- Câu 30: Cho 11,8 gam hỗn hợp Al, Cu tác dụng với dung dịch NaOH (dư). Sau phản ứng, thể tích khí  $\text{H}_2$  sinh ra là 6,72 lít (ở đktc). Khối lượng của Cu trong hỗn hợp là  
 A. 6,4 gam.                      B. 9,1 gam.                      C. 3,7 gam.                      D. 1,0 gam.
- Câu 31: Glucozơ không phản ứng được với  
 A.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$  ở điều kiện thường.                      B.  $\text{H}_2$  (xúc tác Ni, đun nóng).  
 C.  $\text{Ag}_2\text{O}$  trong dung dịch  $\text{NH}_3$ , đun nóng.                      D.  $\text{Cu(OH)}_2$  ở điều kiện thường.
- Câu 32: Để tác dụng hết với dung dịch chứa 0,745 gam KCl và 1,17 gam NaCl thì thể tích dung dịch  $\text{AgNO}_3$  1M cần dùng là  
 A. 10 ml.                      B. 30 ml.                      C. 20 ml.                      D. 40 ml.
- Câu 33: Dãy các hidroxit được xếp theo thứ tự tính bazơ giảm dần từ trái sang phải là  
 A.  $\text{NaOH}$ ,  $\text{Al(OH)}_3$ ,  $\text{Mg(OH)}_2$ .                      B.  $\text{Mg(OH)}_2$ ,  $\text{Al(OH)}_3$ ,  $\text{NaOH}$ .  
 C.  $\text{Mg(OH)}_2$ ,  $\text{NaOH}$ ,  $\text{Al(OH)}_3$ .                      D.  $\text{NaOH}$ ,  $\text{Mg(OH)}_2$ ,  $\text{Al(OH)}_3$ .
- Câu 34: Số đồng phân amin có công thức phân tử  $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$  là  
 A. 4.                      B. 5.                      C. 2.                      D. 3.
- Câu 35: Nếu cho dung dịch NaOH vào dung dịch  $\text{FeCl}_3$  thì xuất hiện  
 A. kết tủa màu trắng hơi xanh.  
 B. kết tủa màu xanh lam.  
 C. kết tủa màu trắng hơi xanh, sau đó chuyển dần sang màu nâu đỏ.  
 D. kết tủa màu nâu đỏ.
- Câu 36: Cấu hình electron nào sau đây là của ion  $\text{Fe}^{2+}$  ?  
 A.  $[\text{Ar}]3d^5$ .                      B.  $[\text{Ar}]3d^4$ .                      C.  $[\text{Ar}]3d^6$ .                      D.  $[\text{Ar}]3d^3$ .
- Câu 37: Cho m gam kim loại Al tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 3,36 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc). Giá trị của m là  
 A. 8,1.                      B. 2,7.                      C. 5,4.                      D. 10,8.
- Câu 38: Chất phản ứng được với dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  tạo ra kết tủa là  
 A.  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ .                      B. NaOH.                      C.  $\text{BaCl}_2$ .                      D. NaCl.
- Câu 39: Chất X vừa tác dụng được với axit, vừa tác dụng được với bazơ. Chất X là

- A.  $H_2NCH_2COOH$ .      B.  $CH_3COOH$ .      C.  $CH_3NH_2$ .      D.  $CH_3CHO$ .

Câu 40: Hiệu ứng nhà kính là hệ quả của:

- A. Sự hiện diện của lưu huỳnh oxit trong khí quyển  
 B. Sự lưu giữ bức xạ hồng ngoại bởi lượng dư khí cacbonic trong khí quyển  
 C. Sự phá huỷ ozôn trên tầng khí quyển  
 D. Sự chuyển động “xanh” duy trì trong sự bảo tồn rừng

----- HẾT -----

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM .....**

**Môn thi: HOÁ HỌC**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
 (đề thi có 02 trang)

*Thời gian làm bài: 60 phút*

Mã đề thi 106

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối (theo u) của các nguyên tố là: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Cl = 35,5; Cu = 64; Al = 27; Zn = 65; Fe = 56; Li = 7; Na = 23; K = 39; Rb = 85.

Câu 1: Hoà tan m gam Fe trong dung dịch HCl dư, sau khi phản ứng kết thúc thu được 4,48 lít khí  $H_2$  (ở đktc). Giá trị của m là

- A. 1,4.      B. 5,6.      C. 11,2.      D. 2,8.

Câu 2: Xà phòng hoá hoàn toàn m gam  $CH_3COOC_2H_5$  trong dung dịch NaOH (vừa đủ), thu được dung dịch chứa 16,4 gam muối. Giá trị của m là

- A. 13,2.      B. 22,0.      C. 17,6.      D. 8,8.

Câu 3: Hợp chất không làm đổi màu giấy quỳ tím ẩm là

- A.  $CH_3COOH$ .      B.  $CH_3NH_2$ .      C.  $NH_3$ .      D.  $H_2NCH_2COOH$ .

Câu 4: Trong các chất: phenol, etyl axetat, ancol etylic, axit axetic; số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là

- A. 4.      B. 3.      C. 1.      D. 2.

Câu 5: Cho 1,17 gam một kim loại kiềm tác dụng với nước (dư) thu được 0,336 lít khí hiđro (ở đktc). Kim loại kiềm là

- A. Li.      B. Na.      C. Rb.      D. K.

Câu 6: Điện phân NaCl nóng chảy với điện cực trơ ở catốt thu được

- A. Na.      B.  $Cl_2$ .      C. HCl.      D. NaOH.

Câu 7: Có 5 lọ đựng riêng biệt các khí :  $N_2$ ,  $NH_3$ ,  $Cl_2$ ,  $CO_2$ ,  $O_2$ . Để xác định lọ đựng khí  $NH_3$  và  $Cl_2$  chỉ cần dùng thuốc thử duy nhất là

- A. dung dịch  $BaCl_2$ .      B. quỳ tím ẩm.  
 C. dung dịch  $Ca(OH)_2$ .      D. dung dịch HCl.

Câu 8: Công thức chung của oxit kim loại thuộc phân nhóm chính nhóm II là

- A.  $R_2O$ .      B.  $R_2O_3$ .      C.  $RO_2$ .      D. RO.

Câu 9: Cho 9,3 gam anilin ( $C_6H_5NH_2$ ) tác dụng vừa đủ với axit HCl. Khối lượng muối phenylamoni clorua ( $C_6H_5NH_3Cl$ ) thu được là

- A. 25,900 gam.      B. 19,425 gam.      C. 12,950 gam.      D. 6,475 gam.

Câu 10: Để phản ứng hoàn toàn với 100 ml dung dịch  $CuSO_4$  1M, cần vừa đủ m gam Fe. Giá trị của m là

- A. 5,6.      B. 2,8.      C. 11,2.      D. 8,4.

Câu 11: Cho dãy các kim loại: Ag, Fe, Au, Al. Kim loại trong dãy có độ dẫn điện tốt nhất là

- A. Fe.      B. Ag.      C. Al.      D. Au.

Câu 12: Anilin ( $C_6H_5NH_2$ ) và phenol ( $C_6H_5OH$ ) đều có phản ứng với

- A. dung dịch NaCl.      B. dung dịch NaOH.      C. nước  $Br_2$ .      D. dung dịch HCl

Câu 13: Cặp chất nào sau đây có thể phản ứng được với nhau?

- A.  $CH_3CH_2OH$  và dung dịch  $NaNO_3$ .      B.  $CH_3COOC_2H_5$  và dung dịch NaOH.  
 C.  $C_2H_6$  và  $CH_3CHO$ .      D. Dung dịch  $CH_3COOH$  và dung dịch NaCl.

Câu 14: Tơ được sản xuất từ xenlulozơ là

- A. tơ capron.      B. tơ visco.      C. tơ nilon-6,6.      D. tơ tằm.

Câu 15: Kim loại không phản ứng được với axit  $HNO_3$  đặc, nguội là

- A. Cr.      B. Mg.      C. Ag.      D. Cu.

Câu 16: Oxit nào sau đây thuộc loại oxit bazơ?

- A.  $\text{CO}_2$ .                      B.  $\text{CuO}$ .                      C.  $\text{SO}_2$ .                      D.  $\text{NO}_2$ .

Câu 17: Để bảo quản natri, người ta phải ngâm natri trong

- A. dầu hỏa.                      B. ancol etylic.                      C. nước.                      D. phenol lỏng.

Câu 18: Hai dung dịch đều phản ứng được với kim loại Cu là

- A.  $\text{MgSO}_4$  và  $\text{ZnCl}_2$ .                      B.  $\text{FeCl}_3$  và  $\text{AgNO}_3$ .                      C.  $\text{AlCl}_3$  và  $\text{HCl}$ .                      D.  $\text{FeCl}_2$  và  $\text{ZnCl}_2$ .

Câu 19: Trong quá trình điện phân dung dịch  $\text{CuCl}_2$  với điện cực trơ,

- A. ion  $\text{Cu}^{2+}$  nhận electron ở catot.                      B. ion  $\text{Cu}^{2+}$  nhường electron ở anot.  
C. ion  $\text{Cl}^-$  nhận electron ở anot.                      D. ion  $\text{Cl}^-$  nhường electron ở catot.

Câu 20: Quặng boxit là nguyên liệu dùng để điều chế kim loại

- A. chì.                      B. nhôm.                      C. natri.                      D. đồng.

Câu 21: Cho bột nhôm tác dụng với dung dịch  $\text{NaOH}$  (dư) thu được 6,72 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc). Khối lượng bột nhôm đã phản ứng là

- A. 10,4 gam.                      B. 16,2 gam.                      C. 5,4 gam.                      D. 2,7 gam.

Câu 22: Chất nào sau đây không phải là este?

- A.  $\text{C}_3\text{H}_5(\text{ONO}_2)_3$ .                      B.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OC}_2\text{H}_5$ .                      C.  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ .                      D.  $\text{HCOOCH}_3$ .

Câu 23: Cho dãy các chất: glucozơ, xenlulozơ, metyl axetat, metylamin. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng bạc là

- A. 1.                      B. 4.                      C. 2.                      D. 3.

Câu 24: Cho  $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$  vào dung dịch  $\text{NaOH}$  (đun nóng), sinh ra các sản phẩm là

- A.  $\text{CH}_3\text{COONa}$  và  $\text{CH}_3\text{OH}$ .                      B.  $\text{CH}_3\text{COOH}$  và  $\text{CH}_3\text{ONa}$ .  
C.  $\text{CH}_3\text{COONa}$  và  $\text{CH}_3\text{COOH}$ .                      D.  $\text{CH}_3\text{OH}$  và  $\text{CH}_3\text{COOH}$ .

Câu 25: Đốt cháy hoàn toàn chất hữu cơ X no, đơn chức, mạch hở (chứa C, H, O) thu được số mol nước lớn hơn số mol  $\text{CO}_2$ . X thuộc loại

- A. ancol no, đơn chức, mạch hở.                      B. axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở.  
C. anđehit no, đơn chức, mạch hở.                      D. este no, đơn chức, mạch hở.

Câu 26: Polietilen được tổng hợp từ monome có công thức cấu tạo

- A.  $\text{CH}_2 = \text{CHCl}$ .                      B.  $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{CH}_3$ .  
C.  $\text{CH}_2 = \text{CH}_2$ .                      D.  $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{CH} = \text{CH}_2$ .

Câu 27: Cặp chất không xảy ra phản ứng là

- A. dung dịch  $\text{NaNO}_3$  và dung dịch  $\text{MgCl}_2$ .                      B. dung dịch  $\text{NaOH}$  và  $\text{Al}_2\text{O}_3$ .  
C.  $\text{K}_2\text{O}$  và  $\text{H}_2\text{O}$ .                      D. dung dịch  $\text{AgNO}_3$  và dung dịch  $\text{KCl}$ .

Câu 28: Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân các protein đơn giản nhờ xúc tác thích hợp là

- A.  $\beta$ -amino axit.                      B. axit cacboxylic.                      C. este.                      D.  $\alpha$ -amino axit.

Câu 29: Thủy phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là (Cho H = 1, C = 12, O = 16)

- A. 250 gam.                      B. 360 gam.                      C. 270 gam.                      D. 300 gam.

Câu 30: Khi cho 12 gam hỗn hợp Fe và Cu tác dụng với dung dịch  $\text{HCl}$  (dư), thể tích khí  $\text{H}_2$  sinh ra là 2,24 lít (ở đktc). Phần kim loại không tan có khối lượng là

- A. 5,6 gam.                      B. 6,4 gam.                      C. 2,8 gam.                      D. 3,2 gam.

Câu 31: Dung dịch glucozơ phản ứng được với

- A.  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ .                      B.  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ .  
C.  $\text{Ag}_2\text{O}$  trong dung dịch  $\text{NH}_3$ , đun nóng.                      D.  $\text{NaOH}$ .

Câu 32: Trong các muối sau, muối nào dễ bị nhiệt phân?

- A.  $\text{LiCl}$ .                      B.  $\text{NaNO}_3$ .                      C.  $\text{KHCO}_3$ .                      D.  $\text{KBr}$ .

Câu 33: Cho các hidroxit:  $\text{NaOH}$ ,  $\text{Mg}(\text{OH})_2$ ,  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ ,  $\text{Al}(\text{OH})_3$ . Hidroxit có tính bazơ mạnh nhất là

- A.  $\text{Al}(\text{OH})_3$ .                      B.  $\text{Mg}(\text{OH})_2$ .                      C.  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ .                      D.  $\text{NaOH}$ .

Câu 34: Số đồng phân amin bậc một ứng với công thức phân tử  $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$  là

- A. 5.                      B. 3.                      C. 2.                      D. 4.

Câu 35: Dãy gồm các hợp chất chỉ có tính oxi hoá là

- A.  $\text{Fe}(\text{OH})_2$ ,  $\text{FeO}$ .                      B.  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ ,  $\text{FeCl}_3$ .                      C.  $\text{FeO}$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ .                      D.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ ,  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ .

Câu 36: Hợp chất sắt (II) sunfat có công thức là

- A.  $\text{FeSO}_4$ .                      B.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ .                      C.  $\text{Fe}(\text{OH})_3$ .                      D.  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ .

Câu 37: Cation  $\text{M}^+$  có cấu hình electron lớp ngoài cùng  $2s^22p^6$  là

- A.  $\text{Na}^+$ .                      B.  $\text{Rb}^+$ .                      C.  $\text{Li}^+$ .                      D.  $\text{K}^+$ .

Câu 38: Cho dãy các chất:  $\text{FeCl}_2$ ,  $\text{CuSO}_4$ ,  $\text{BaCl}_2$ ,  $\text{KNO}_3$ . Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch  $\text{NaOH}$  là

- A. 4.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 1.

Câu 39: Axit amino axetic không phản ứng được với

- A.  $\text{NaOH}$ .                      B.  $\text{HCl}$ .                      C.  $\text{NaCl}$ .                      D.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ .

Câu 40: Tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất là

- A.  $\text{Ca}^{2+}$ ,  $\text{Mg}^{2+}$ ,  $\text{Na}^+$                       B.  $\text{H}^+$ ,  $\text{OH}^-$ ,  $\text{H}_2\text{O}$                       C.  $\text{Na}^+$ ,  $\text{Fe}^{3+}$ ,  $\text{Al}^{3+}$                       D.  $\text{Pb}^{2+}$ ,  $\text{Hg}^{2+}$ ,  $\text{As}^{3+}$

----- HẾT -----